

Số: 9/3/TB-DTKV.IX

Quảng Trị, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 345/2026/NĐ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, biện pháp thi hành Luật Dự trữ quốc gia về dự trữ quốc gia và quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định 145/QĐ-CDT ngày 31/3/2026 của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước về việc giao chỉ tiêu kế hoạch dự trữ quốc gia về lương thực năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-CDT ngày 24/9/2026 của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch bán đấu giá gạo dự trữ quốc gia thuộc chỉ tiêu kế hoạch xuất năm 2026 (lần 2);

Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực IX thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp dịch vụ đấu giá 6.758.585 kg gạo dự trữ quốc gia nhập kho năm 2025 (đợt 1) thuộc chỉ tiêu kế hoạch xuất năm 2026 (lần 2). Cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

Tên đơn vị: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực IX.

Địa chỉ: Số 21 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá, hình thức đấu giá:

2.1 Tên tài sản, số lượng, chất lượng:

- Tên tài sản: Gạo dự trữ quốc gia nhập kho năm 2025 (đợt 1).
- Số lượng: 6.758.585 kg, chia thành 22 đơn vị tài sản.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

- Chất lượng: Gạo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2025, nhập kho năm 2025, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại QCVN 06:2019/BTC ban hành kèm theo Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia.

2.2 Hình thức đấu giá:

Đấu giá trực tuyến theo quy định tại Nghị quyết số 66.21/2026/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai đấu giá tài sản trực tuyến theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và Công văn số 4796/BCA-QLHC ngày 09/9/2026 của Bộ Công an về việc hướng dẫn sử dụng hệ thống đấu giá trực tuyến.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 60.151.406.500 đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi tỷ, một trăm năm mươi một triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, năm trăm đồng).

Giá khởi điểm của đơn vị tài sản bán đấu giá không có thuế giá trị gia tăng (VAT), gạo có bao bì, giao trên phương tiện bên mua tại cửa kho dự trữ quốc gia theo danh mục.

4. Tiêu chí, hình thức lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

4.1 Tiêu chí lựa chọn:

Tổ chức hành nghề đấu giá đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản; Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các tiêu chí khác do Chi cục DTNN khu vực IX quy định.

4.2 Hình thức lựa chọn.

Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông qua đấu thầu theo quy định tại Khoản 5 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 92/2018/TT-BTC ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BTC.

5. Hồ sơ tham gia tổ chức đấu giá:

- Văn bản đề nghị tham gia tổ chức đấu giá;

- Hồ sơ năng lực thể hiện đầy đủ tài liệu chứng minh các nội dung theo quy định tại mục 4.

6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Từ ngày thông báo đến trước 09 giờ 00 phút ngày 28/9/2026 (Trong giờ hành chính).

- Nộp trực tiếp tại Văn phòng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực IX, số 21 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. Mọi thông tin chi tiết liên hệ điện thoại Phòng Quản lý hàng dự trữ: 0323.822330.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Hệ thống đấu giá trực tuyến;
- Công thông tin ĐGTSQG;
- Cổng TTĐT Cục DTNN;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng KTBQ, TCKT;
- Lưu: VT, QLH (08b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Diện



Phụ lục

CHI TIẾT ĐƠN VỊ TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIA GẠO NHẬP KHO DTQG NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Thông báo số 363/TB-ĐTNV.IX ngày 25/9/2026 của Chi cục DTNN khu vực IX)

TT	Đơn vị tài sản	Địa điểm kho để hàng	Số lượng (kg)	Giá khởi điểm tài sản (đồng)	Khoản tiền đặt trước bằng 10% giá khởi điểm (đồng)
I. Điểm kho dự trữ ĐK2.KV9			2.220.000	19.758.000.000	1.975.800.000
1	ĐVTS 01	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho K4/2, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
2	ĐVTS 02	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho K4/3, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
3	ĐVTS 03	Lô số 3+ Lô số 4 Ngăn kho K4/3, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
4	ĐVTS 04	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho K4/4, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
5	ĐVTS 05	Lô số 3+ Lô số 4 Ngăn kho K4/4, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
6	ĐVTS 06	Lô số 3+ Lô số 4 Ngăn kho K5/4, Kho Quảng Bình, Điểm kho Dự trữ ĐK2.KV9 (TDP 4 Bắc Lý, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)	370.000	3.293.000.000	329.300.000
II. Điểm kho dự trữ ĐK4.KV9			1.124.000	10.003.600.000	1.000.360.000
7	ĐVTS 07	Lô số 3, Lô số 4 Ngăn kho K4/3, Kho Quảng Trị, Điểm kho Dự trữ ĐK4.KV9 (Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị)	374.000	3.328.600.000	332.860.000

8	ĐVTS 08	Lô số 1, Lô số 2 Ngăn kho K4/4, Kho Quảng Trị, Điểm kho Dự trữ ĐK4.KV9 (Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị)	376.000	3.346.400.000	334.640.000
9	ĐVTS 09	Lô số 3, Lô số 4 Ngăn kho K4/4, Kho Quảng Trị, Điểm kho Dự trữ ĐK4.KV9 (Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị)	374.000	3.328.600.000	332.860.000
III. Điểm kho dự trữ ĐK5.KV9			1.074.585	9.563.806.500	956.380.650
10	ĐVTS 10	Ngăn kho A3/1, Kho Hải Phú I, Điểm kho Dự trữ ĐK5.KV9 (Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)	300.000	2.670.000.000	267.000.000
11	ĐVTS 11	Ngăn kho A3/2, Kho Hải Phú I, Điểm kho Dự trữ ĐK5.KV9 (Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)	300.000	2.670.000.000	267.000.000
12	ĐVTS 12	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho K5/1, Kho Hải Phú II, Điểm kho Dự trữ ĐK5.KV9 (Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)	224.585	1.998.806.500	199.880.650
13	ĐVTS 13	Lô số 3+ Lô số 4 Ngăn kho K5/1, Kho Hải Phú II, Điểm kho Dự trữ ĐK5.KV9 (Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
IV. Điểm kho dự trữ ĐK12.KV9			1.500.000	13.350.000.000	1.335.000.000
14	ĐVTS 14	Ngăn kho A1/2, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
15	ĐVTS 15	Ngăn kho A1/4, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
16	ĐVTS 16	Ngăn kho A3/1, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
17	ĐVTS 17	Ngăn kho A3/2, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
18	ĐVTS 18	Ngăn kho A3/3, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000
19	ĐVTS 19	Ngăn kho A3/4, Kho Hương Trà, Điểm kho Dự trữ ĐK12.KV9 (Phường Hương Trà, thành phố Huế)	250.000	2.225.000.000	222.500.000

V. Điểm kho dự trữ ĐK7.KV9			840.000	7.476.000.000	747.600.000
20	ĐVTS 20	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho A5/1, Kho Hương Thủy, Điểm kho Dự trữ ĐK7.KV9 (100A Sóng Hồng, Phường Phú Bài, thành phố Huế)	280.000	2.492.000.000	249.200.000
21	ĐVTS 21	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho A5/2, Kho Hương Thủy, Điểm kho Dự trữ ĐK7.KV9 (100A Sóng Hồng, Phường Phú Bài, thành phố Huế)	280.000	2.492.000.000	249.200.000
22	ĐVTS 22	Lô số 1+ Lô số 2 Ngăn kho A8/3, Kho Hương Thủy, Điểm kho Dự trữ ĐK7.KV9 (100A Sóng Hồng, Phường Phú Bài, thành phố Huế)	280.000	2.492.000.000	249.200.000
TỔNG CỘNG			6.758.585	60.151.406.500	6.015.140.650

Ghi chú:

- Gạo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2025, nhập kho năm 2025 (đợt 1)
- Giá khởi điểm của từng đơn vị tài sản bán đấu giá không có thuế GTGT, gạo có bao bì, giao trên phương tiện bên mua tại cửa kho dự trữ quốc gia.